

Bản án số: 19/2020/HNGĐ - PT
Ngày: 17 - 11 - 2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương

Ông Trần Hữu Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 18/2020/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 29/2020/TLST – HNGĐ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1655/2020/QĐXXPT- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bà Phan Thị L và ông Đặng Văn H yêu nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/12/1972. Sau khi kết hôn cuộc sống tuy vất vả nhưng ông bà sống rất hạnh phúc, những năm gần đây ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Việc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà L đã làm

đơn gửi đến Tòa án xin ly hôn nhưng được Tòa án, các con và họ hàng đôi bên hòa giải nên bà L đã rút lại đơn về đoạn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng ông bà đã ly thân không quan tâm đến nhau hơn 14 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Phan Thị L tiếp tục làm đơn xin ly hôn, ông Đặng Văn H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí.

Về quan hệ con cái: Bà L, ông H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 07 đứa con chung gồm: Đặng Thị H, sinh ngày 20/9/1973; Đặng Thị Thương H, sinh ngày 19/8/1977; Đặng Thị H, sinh ngày 18/12/ 1979; Đặng Thị L, sinh ngày 19/5/1982; Đặng Thị N, sinh ngày 29/10/1987; Đặng Thị S, sinh ngày 05/02/ 1989; Đặng Văn L, sinh ngày 14/01/1992. Các con của ông bà đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông H, bà L thừa nhận vợ chồng có 01 nhà 3 gian rộng 81,81 m² được xây dựng trên diện tích 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596059 ngày 06/10/2014 mang tên ông Đặng Văn H, bà Phan Thị L. Bà L trình bày nhà và đất là tài sản chung vợ chồng nên đề nghị chia đôi; ông Đặng Văn H trình bày diện tích đất nói trên là của bố mẹ ông để lại, do đó toàn bộ diện tích đất này là tài sản riêng của ông, nên ông không đồng ý chia diện tích đất cho bà L.

Về nợ: Ông Đặng Văn H và bà Phan Thị L thừa nhận không có nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ - ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 29, 33, 39, 55, 57, 59, 62 Luật hôn và nhân gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị L và ông Đặng Văn H

Về con chung: Miễn Xét

Về tài sản chung yêu cầu chia: Xác định ngôi nhà một tầng 3 gian cấp 4 và đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã Đức Ninh, được UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2014 mang tên ông Đặng Văn H và bà Phan Thi L có giá trị toàn bộ 155.625.700 đồng là tài sản chung của vợ chồng.

- Giao cho ông Đặng Văn H được quyền sử dụng thửa đất thứ nhất (có ngôi nhà chính) có kích thước tứ cận, cụ thể là: Phía Đông Bắc giáp thửa số 204 kích thước 19,0m; phía Đông Nam giáp đường giao thông kích thước 9,9m; phía Tây Bắc giáp thửa số 208 kích thước 8,1m; phía Tây Nam giáp phần đất giao cho bà L

kích thước 20,4m. Tổng diện tích thửa đất thứ nhất là 183,54m² (đất ở 81,81m², đất trồng cây lâu năm 101,73 m²).

- Giao cho bà Phan Thị L được quyền sử dụng phần diện tích đất tại thửa thứ hai không có nhà được tách ra từ thửa số 833, tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2014 mang tên ông Đặng Văn H và bà Phan Thị L. Phía Đông Nam giáp đường giao thông kích thước 4,4m; phía Đông Bắc giáp thửa đất thứ nhất có ngôi nhà chính (giao cho ông H) kích thước 20,4m; phía Tây Bắc giáp đất thửa 208 kích thước 4,4m; phía Tây Nam giáp phần đất thửa 832 kích thước 20,4m. Tổng diện tích thửa đất thứ hai là 89,76m² (đất ở 48,19m², đất vườn 41,57m²).

* Tổng toàn bộ giá trị tài sản nhà và đất mà ông H được hưởng là:

- Một thửa đất có diện tích đất 183,54 m² trong đó ngôi nhà một tầng 3 gian cấp 4 có diện tích đất ở 81,81 m² và 101,73 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị bằng tiền là: 101.525.560 đồng.

- Ông H giao số tiền chênh lệch từ nhà và đất cho bà L là: 23.712.710 đồng.

* Tổng toàn bộ giá trị tài sản đất mà bà L được hưởng là: Một thửa đất có diện tích là 89,76m² (đất ở 48,19m², đất trồng cây lâu năm 41,57m²) có giá trị 54.100.140 đồng và nhận số tiền chênh lệch từ ông H 23.712.710 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên buộc chịu lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án, miễn án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho đương sự theo luật định.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ - ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với tích 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596059 ngày 06/10/2014 mang tên ông Đặng Văn H, bà Phan Thị L là của bố mẹ ông để lại cho cá nhân ông.

Tại phiên toà phúc thẩm bà Phan Thị L giữ nguyên đơn khởi kiện, ông Đặng Văn H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 26 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 29/2020/HNGĐ - ST về việc ly hôn giữa bà Phan Thị L và ông Đặng Văn H; ngày 31 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Đặng Văn H với nội dung: Đề nghị xem xét lại việc chia 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ. Đơn kháng cáo của ông H làm trong hạn luật định, đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận đơn kháng cáo ông H để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Đặng Văn H đối với diện tích 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ thấy: Quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Văn H thừa nhận thửa đất này trước đây bố mẹ ông làm nhà ở đến năm 1954 thì bố mẹ ông di cư vào nam không còn ở tại thửa đất này nữa. Năm 1972 ông kết hôn với bà L và cùng nhau sinh sống tại thửa đất này từ đó cho đến nay. Ngoài lời khai trên ông H không xuất trình được chứng cứ chứng minh diện tích 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ là của bố mẹ ông để lại cho cá nhân ông. Mặt khác, ông Đặng Văn H và bà Phan Thị L chung sống với nhau ổn định trên thửa đất này từ năm 1972 cho đến nay không có tranh chấp và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596059 ngày 06/10/2014 mang tên ông Đặng Văn H, bà Phan Thị L.

[3] Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ là tài sản chung của ông Đặng Văn H, bà Phan Thị L là có căn cứ. Do đó, kháng cáo về việc 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ là tài sản của cá nhân ông Đặng Văn H không được chấp nhận.

[4] Ông Đặng Văn H kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ tình cảm, quan hệ con cái và án phí sơ thẩm ly hôn không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn H đối với 273,3 m² đất tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ là đất của cá nhân ông Đặng Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ - ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về phần chia tài sản chung.

2. Ông Đặng Văn H được sở hữu: 183,3m² đất (81,81m² đất ở, 101,49m² đất trồng cây lâu năm) giá 93.059.000 đồng tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ, diện tích thửa đất như sau (có sơ đồ kèm theo) Phía Đông Bắc giáp thửa số 204 từ điểm 5 đến điểm 6 dài 19,0 mét; phía Đông Nam giáp đường giao thông từ điểm 6 đến điểm 7 dài 9,9 mét; phía Tây Bắc giáp thửa số 208 và 209 từ điểm 2 đến điểm 3, từ điểm 3 đến điểm 4 và từ điểm 4 đến điểm 5 dài 10,10 mét; phía Tây Nam giáp phần đất giao cho bà L từ điểm 2 đến điểm 7 dài 20,53 mét; 01 nhà 3 gian giá 8.467.000 đồng. Ông Đặng Văn H được chia giá trị tài sản là 101.526.000 đồng (một trăm linh một triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng chẵn) nhưng ông H phải trả cho bà L 23.713.000 đồng tiền chênh lệch tài sản.

Bà Phan Thị L được sở hữu: 90m² đất (48,19m² đất ở, 41,81m² đất trồng cây lâu năm) giá 54.100.000 đồng tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ, diện tích thửa đất như sau: Phía Đông Bắc giáp phần đất giao cho ông H từ điểm 2 đến điểm 7 dài 20,53 mét; phía Đông Nam giáp đường giao thông từ điểm 7 đến điểm 8 dài 4,40 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất số 208 từ điểm 1 đến điểm 2 dài 4,40 mét; phía Tây Nam giáp thửa đất 832 từ điểm 1 đến điểm 8 dài 20,40 mét và được nhận tại ông Đặng Văn H 23.713.000 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm mười ba ngàn đồng) tiền chênh lệch tài sản.

(có sơ đồ diện tích đất ông H, bà L được chia tại thửa đất số 833, tờ bản đồ số 30 xã Đ, thành phố Đ kèm theo bản án).

3. Ông Đặng Văn H và bà Phan Thị L có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký quyền sử dụng đất của mình theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về án phí: Ông Đặng Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0006605 ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ tình cảm, quan hệ con cái và án phí dân sự sơ thẩm ly hôn không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tuyên bố: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/11/2020.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP Đồng Hới;
- CCTHADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

